TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	**----------**
Số: 41/2024/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 29 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2024 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1992, địa chỉ: 66 đường N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1997, Địa chỉ: Phòng 513 Chung cư A, đường V phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2016 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự cho thấy quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống, ông bà đã sống ly thân 02 năm. Gia đình hai bên có hòa giải nhưng không có kết quả. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Việc ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T yêu cầu được thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của ông

bà.

[2]. Về con chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T cùng xác định có 01 con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 16/9/2016. Khi ly hôn ông bà thoả thuận giao con chung cho ông Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Bà Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02/2024 cho đến khi con chung thành niên.

Việc thỏa thuận nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83, 84, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần công nhận sự thỏa thuận của ông bà.

[3]. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T xác định không có tài sản chung nên không xem xét.

[4]. Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Căn cứ khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T phải chịu mỗi người 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N (Giấy chứng nhận kết hôn số 62 do Ủy ban nhân dân phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/5/2016 không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T về việc nuôi con chung như sau: Giao con chung Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 16/9/2016 cho ông Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Bà Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02/2024 cho đến khi con chung thành niên.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N xác định không có tài sản chung.

1.4. Về các vấn đề khác: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N xác định không có nợ chung.

1.5. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N phải chịu mỗi người 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0001828 ngày 21 tháng 02 năm 2024.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng;
- UBND phường N,
quận S, TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà,
TP Đà Nẵng
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Hằng